

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2022
V/v *Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Ngày 02/5/2018 anh Nguyễn Văn Q và anh Hoàng Văn H, chị Lương Thị C (vợ anh H) có giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 01 mảnh đất có diện tích 782m², trong đó có 200m² đất ở lâu dài và tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây cấp 04 diện tích 63m², 20 luống chè san, 05 cây mận, 10 cây cam, nguồn gốc đất do anh H, chị C nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn Trịnh ngày 10/7/2013, địa chỉ đất tại bản Chiềng Đi, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với số tiền thỏa thuận là 300.000.000 đồng, anh Q đã đặt cọc cho vợ chồng anh H, chị C số tiền 200.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận đến ngày 30/6/2018 anh H, chị C giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao đất cùng tài sản trên đất cho anh Q sử dụng, đồng thời anh Q có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền 100.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó anh H, chị C đã không thực hiện đúng như cam

kết. Đến ngày 29/8/2020 anh H, chị C đã hoàn trả cho anh Q số tiền 150.000.000 đồng tiền đặt cọc, còn lại 50.000.000 đồng sau nhiều lần anh Q yêu cầu anh H, chị C phải thanh toán tiền đặt cọc còn nợ và phải chịu phạt cọc theo quy định nhưng anh chị H, C không thanh toán, đến ngày 25/6/2021 anh Hoàng Văn H bị chết do tai nạn.

Nay anh Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Lương Thị C phải có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền đặt cọc gốc còn lại là 50.000.000 đồng và bồi thường phạt cọc 200.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Lương Thị C trình bày:

Chị là vợ anh Hoàng Văn H (đã chết ngày 25/6/2021). Ngày 02/5/2018 vợ chồng chị và anh Nguyễn Văn Q, trú tại: Tiểu khu Cờ Đỏ, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La có giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tổng diện tích 782m², trong đó 200m² đất ở lâu dài, tài sản nằm trên đất gồm có 63m² nhà xây cấp 4 và 20 luống chè san trồng năm 2000, 5 cây mận, 10 cây cam tại tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu với số tiền 300.000.000 đồng, Anh Q đã đặt cọc cho vợ chồng chị 200.000.000 đồng, anh H là người cầm số tiền đặt cọc. Sau một thời gian vợ chồng chị không thực hiện theo hợp đồng nên ngày 29/8/2020 anh H đã trả lại cho anh Q 150.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng, đến ngày 25/6/2021 anh H chết do tai nạn giao thông, đến nay chị vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại cho anh Q.

Nay anh Q có đơn khởi kiện yêu cầu chị trả lại số tiền đặt cọc còn lại là 50.000.000 đồng và bồi thường tiền phạt cọc là 200.000.000 đồng. Chị C nhất trí trả 50.000.000 đồng tiền cọc còn nợ nhưng được trả nợ dần, đối với số tiền phạt cọc 200.000.000 đồng chị không nhất trí vì không có khả năng thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

** Về việc giải quyết vụ án:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 119, Điều 328, Điều 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q.

Hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 02/5/2018 giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Lường Thị C (anh Hoàng Văn H đã chết). Buộc chị Lường Thị C phải trả lại cho anh Nguyễn Văn Q số tiền đã nhận cọc còn lại là 50.000.000 đồng và trả một khoản tiền tương đương với giá trị đặt cọc là 200.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 250.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí

Chị Lường Thị C phải chịu án phí DSST có giá ngạch theo quy định.

Anh Nguyễn Văn Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu với bị đơn chị Lường Thị C có địa chỉ tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La trả số tiền đã đặt cọc còn lại là 50.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc là 200.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 250.000.000 đồng (Hai trăm, năm mươi triệu đồng). Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Xét về hình thức của Hợp đồng đặt cọc: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa anh Nguyễn Văn Q và anh Hoàng Văn H, chị Lường Thị C được viết tay đề ngày 02/5/2018 và không có ra công chứng, chứng thực ở cơ quan có thẩm quyền. Thực chất của Hợp đồng là đặt cọc để đảm bảo cho giao dịch hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên được xem xét là Hợp đồng đặt cọc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “*Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng*”. Tuy nhiên, loại hợp đồng này không thuộc trường hợp bắt buộc phải có công chứng, chứng thực. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên tham gia ký kết hợp đồng đều đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết hợp đồng xuất phát từ ý chí tự nguyện của các bên, không bị ép buộc; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hình thức

của hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, Điều 328 của Bộ luật Dân sự.

Điều 117. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;*
- b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;*
- c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.*

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

Điều 328. Đặt cọc

1. Đặt cọc là việc một bên (sau đây gọi là bên đặt cọc) giao cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận đặt cọc) một khoản tiền hoặc kim khí quý, đá quý hoặc vật có giá trị khác (sau đây gọi chung là tài sản đặt cọc) trong một thời hạn để bảo đảm giao kết hoặc thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp hợp đồng được giao kết, thực hiện thì tài sản đặt cọc được trả lại cho bên đặt cọc hoặc được trừ để thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[3] Xét về nội dung của hợp đồng đặt cọc: Việc các bên lập hợp đồng đặt cọc là để đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng tổng diện tích 782m², trong đó có 200m² đất ở lâu dài và tài sản nằm trên đất gồm nhà cấp 4 có diện tích 63m², 20 luống chè san, 05 cây mận, 10 cây cam tại tiểu khu Chiềng Đi, thị trấn Nông Trường Mộc Châu với giá thỏa thuận 300.000.000đ, nay bên A đã đặt cọc cho bên B số tiền 200.000.000 đồng, bên A đã nhận đủ số tiền đặt cọc và hẹn đến ngày 30/6/2018 sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 200m² đất ở lâu dài và bàn giao mảnh đất và tài sản trên đất cho bên B toàn quyền sử dụng. Nếu sai bên A phải trả lại toàn bộ số tiền nêu trên và tiền phạt nếu có theo quy định của pháp luật cho bên B, đồng thời bên A phải chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật.

Như vậy, đối tượng giao dịch của hợp đồng đặt cọc là có thật và không vi phạm quy định tại Điều 188 Luật đất đai năm 2013; các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng. Trong hợp đồng đặt cọc có nêu giá trị của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000.000 đồng, phương thức thanh toán đã nhận đủ số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, thời gian hoàn thành giao dịch mua bán 30/6/2018, trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên khi vi phạm hợp đồng. Như vậy, nội dung của hợp đồng đặt cọc là hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng đặt cọc có hiệu lực pháp luật.

Điều 188. Điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất

1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất khi có các điều kiện sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 186 và trường hợp nhận thừa kế quy định tại khoản 1 Điều 168 của Luật này;

b) Đất không có tranh chấp;

c) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

d) Trong thời hạn sử dụng đất.

2. Ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, người sử dụng đất khi thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; quyền thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất còn phải có đủ điều kiện theo quy định tại các điều 189, 190, 191, 192, 193 và 194 của Luật này.

3. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q xác định khởi kiện yêu cầu chị Lường Thị C trả lại cho anh Q số tiền đặt cọc còn lại 50.000.000đ và tiền phạt cọc phát sinh 200.000.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 250.000.000 đồng. Như vậy nguyên đơn không yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận ngày 02/5/2018 mà yêu cầu trả tiền đặt cọc còn lại và tiền phạt cọc. Do đó xác định là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Theo phía nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày thì Hợp đồng đặt cọc đề ngày 02/5/2018 đã thể hiện rõ anh Hoàng Văn H, chị Lường Thị C đã nhận tiền cọc của anh Nguyễn Văn Q số tiền 200.000.000 đồng và “*hẹn đến ngày 30/6/2018 sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 200m² đất ở lâu dài thì lấy nốt số tiền 100.000.000đ và bàn giao đất và tài sản trên đất như đã chuyển nhượng...*”. Nhưng đến 29/8/2020 kể từ khi nhận tiền đặt cọc và lập Hợp đồng đặt cọc, anh Hoàng Văn H, chị Lường Thị C không hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Q đúng như đã thỏa thuận. Đến nay, anh Q nhiều lần yêu cầu anh H chị C hoàn trả số tiền cọc còn lại và tiền phạt cọc nhưng vẫn chưa thực hiện theo thỏa thuận. Đến ngày 25/6/2021 anh Hoàng Văn H chết do tai nạn giao thông, không để lại di chúc.

Việc không hoàn thành thỏa thuận theo hợp đồng ký giữa anh Q và anh chị C, anh H không phải do nguyên nhân khách quan mà do ý chí chủ quan của anh H không muốn bán đất cho anh Q nữa và không nêu rõ lý do của việc không thực hiện giao dịch là vi phạm hợp đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự “*Nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho*

bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc”. Nay chồng chị là anh Hoàng Văn H đã chết không để lại di chúc, do đó căn cứ theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Điều 615. Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

3. Trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Trường hợp người thừa kế không phải là cá nhân hưởng di sản theo di chúc thì cũng phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại như người thừa kế là cá nhân.

Theo quy định nêu trên thì quyền và nghĩa vụ đã chuyển giao cho những người thuộc hàng thừa kế hàng thứ nhất là vợ, mặt khác chị C là người cùng chồng là anh H ký giao kết hợp đồng ngày 02/5/2018. Như vậy, trong trường hợp này chị C phải thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng ngày 02/5/2018 như đã thỏa thuận.

Từ những nhận định trên có đủ cơ sở xác định phía bị đơn chị Lương Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng đặt cọc, nên nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị đơn chị Lương Thị C phải trả lại số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng nhưng được khấu trừ 150.000.000 đồng đã thanh toán ngày 29/8/2020, còn lại 50.000.000 đồng và trả một khoản tiền tương đương với giá trị đặt cọc là 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí, hoàn trả cho anh Q số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Bị đơn chị Lương Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 12.500.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ: Các Điều 117, 119, 328, Điều 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q.

Hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 02/5/2018 giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Lường Thị C (anh Hoàng Văn H đã chết). Buộc chị Lường Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Văn Q số tiền 250.000.000đ (Hai trăm, năm mươi triệu đồng), trong đó bao gồm: 50.000.000 đồng tiền đặt cọc còn lại và 200.000.000 đồng là khoản tiền tương đương số tiền cọc đã nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chị Lường Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch và chịu 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0000632 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Ngọc Hà